

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thanh Hoá, ngày 24 tháng 11 năm 2017

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOAN HÀ NỘI
VĂN BẢN ĐẾN

HỢP ĐỒNG KIỂM TOÁN Ngày: 24-11-2017
Số: 104/2017/HĐKT-IFCTH

Số: 24447

(V/v: Kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Công ty CP Môi trường và công trình đô thị Thanh Hóa)

Căn cứ Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 24/11/2015; Luật thương mại số 36/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 14/6/2005;

Căn cứ Luật kiểm toán độc lập số 67/2011/QH12 ngày 29/3/2011; Nghị định số 17/2012/NĐ-CP ngày 13/03/2012 của Chính phủ V/v: Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật kiểm toán độc lập.

Căn cứ Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 210 về Hợp đồng kiểm toán;

Hợp đồng này được lập bởi và giữa các bên:

Bên A: Công ty CP Môi trường và công trình đô thị Thanh Hóa

Người đại diện : Ông Hồ Việt Lâm

Chức vụ : Giám đốc

Địa chỉ : Số 467 Lê Hoàn, P. Ngọc Trạo, TP Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

Điện thoại : 02373 852 228

Mã số thuế : 2800152894

Tài khoản số : 0781000431268

Tại ngân hàng : Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Thanh Hóa

Bên B: Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Quốc Tế tại Thanh Hóa

Người đại diện : Ông Nguyễn Văn Quân

Chức vụ : Giám đốc

Trụ sở : Lô S2, Khu 2, KĐT Bình Minh, P. Đông Hương, TP Thanh Hóa

VP Giao dịch : Tầng 9, Tòa nhà Viettel, Đại Lộ Lê Lợi, P. Đông Hương, TP Thanh Hóa

Điện thoại : 02373 758 959

Mã số thuế : 0101177123-003

Tài khoản số : 119000123763

Tại ngân hàng : Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Thanh Hóa

Điều 1: Nội dung của hợp đồng

Bên B đồng ý cung cấp cho Bên A dịch vụ kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017, Báo cáo kết quả

hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ tài chính kết thúc cùng ngày. Cuộc kiểm toán của bên B được thực hiện với mục tiêu đưa ra ý kiến kiểm toán về báo cáo tài chính của bên A.

Điều 2: Trách nhiệm của các bên.

Trách nhiệm của bên A:

Hợp đồng soát xét và cuộc kiểm toán của bên B sẽ thực hiện trên cơ sở Ban giám đốc và Ban quản trị của bên A (trong phạm vi phù hợp) hiểu và thừa nhận có trách nhiệm:

a) Đối với việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính được áp dụng;

b) Đối với kiểm soát nội bộ mà Ban giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;

c) Đảm bảo cung cấp kịp thời cho bên B:

- Quyền tiếp cận với tất cả tài liệu, thông tin mà Ban giám đốc nhận thấy là có liên quan đến quá trình lập và trình bày báo cáo tài chính như chứng từ kế toán, sổ kế toán, tài liệu và các vấn đề khác;

- Các thông tin bổ sung mà kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán yêu cầu Ban giám đốc cung cấp hoặc giải trình để phục vụ cho mục đích của cuộc kiểm toán;

- Quyền tiếp cận không hạn chế đối với nhân sự của bên A mà kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán xác định là cần thiết để thu thập bằng chứng kiểm toán. Bố trí nhân sự liên quan cùng làm việc với bên B trong quá trình kiểm toán.

Ban giám đốc và Ban quản trị bên A (trong phạm vi phù hợp) có trách nhiệm cung cấp và xác nhận bằng văn bản về các giải trình đã cung cấp trong quá trình kiểm toán vào "Thư giải trình của Ban giám đốc và Ban quản trị", một trong những yêu cầu của chuẩn mực kiểm toán Việt Nam, trong đó nêu rõ trách nhiệm của Ban giám đốc bên A trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính và khẳng định rằng ảnh hưởng của từng sai sót, cũng như tổng hợp các sai sót không được điều chỉnh do bên B phát hiện và tổng hợp trong quá trình kiểm toán cho kỳ hiện tại và các sai sót liên quan đến các kỳ trước là không trọng yếu đối với tổng thể báo cáo tài chính.

Tạo điều kiện thuận tiện cho các nhân viên của bên B trong quá trình làm việc tại Văn phòng của bên A.

Thanh toán đầy đủ phí dịch vụ kiểm toán và các phí khác (nếu có) cho bên B theo quy định tại Điều 4 của hợp đồng này.

Trách nhiệm của bên B :

Bên B sẽ thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam, pháp luật và các quy định có liên quan. Các chuẩn mực kiểm toán này quy định bên B phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính, xét trên phương diện tổng thể, có còn sai sót trọng yếu hay không. Trong cuộc kiểm toán, bên B sẽ thực hiện các thủ tục để thu thập bằng chứng kiểm toán về số liệu và thông tin trình bày trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được thực hiện hiện tùy thuộc vào đánh giá của kiểm toán viên, bao gồm việc đánh giá rủi ro có sai

sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc do nhầm lẫn. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá sự phù hợp của các chính sách kế toán đã được sử dụng và các ước tính kế toán của Ban Giám đốc, cũng như đánh giá cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính.

Bên B có trách nhiệm thông báo cho bên A về nội dung và kế hoạch kiểm toán, cử kiểm toán viên và các trợ lý có năng lực và kinh nghiệm thực hiện kiểm toán.

Bên B thực hiện công việc kiểm toán theo nguyên tắc độc lập, khách quan và bảo mật số liệu. Theo đó bên B không được quyền tiết lộ cho bất kỳ một bên thứ ba nào mà không có sự đồng ý của bên A, ngoại trừ theo yêu cầu của pháp luật và các quy định có liên quan, hoặc trong trường hợp những thông tin như trên đã được các cơ quan quản lý Nhà nước phổ biến rộng rãi hoặc đã được bên A công bố.

Bên B có trách nhiệm yêu cầu bên A xác nhận các giải trình đã cung cấp cho bên B trong quá trình thực hiện kiểm toán. Theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam, việc đáp ứng các yêu cầu này và Thư giải trình của Ban Giám đốc và Ban quản trị bên A về những vấn đề liên quan là một trong những cơ sở để bên B đưa ra ý kiến của mình về báo cáo tài chính của bên A.

Do những hạn chế vốn có của kiểm toán cũng như của kiểm soát nội bộ, có rủi ro khó tránh khỏi là kiểm toán viên có thể không phát hiện được các sai sót trọng yếu, mặc dù cuộc kiểm toán đã được lập kế hoạch và thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam.

Để đánh giá rủi ro, bên B sẽ xem xét kiểm soát nội bộ mà bên A sử dụng trong quá trình lập báo cáo tài chính để thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp trong từng trường hợp, nhưng không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về tính hữu hiệu của kiểm soát nội bộ của bên A. Tuy nhiên, bên B sẽ thông báo tới bên A bằng văn bản về bất kỳ khiếm khuyết nào trong kiểm soát nội bộ mà bên B phát hiện được trong quá trình kiểm toán báo cáo tài chính.

Điều 3: Báo cáo soát xét, báo cáo kiểm toán

Sau khi kết thúc kiểm toán, bên B sẽ cung cấp cho bên A 05 bộ báo cáo kiểm toán kèm theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán bằng tiếng Việt.

Báo cáo kiểm toán sẽ được lập bằng văn bản, gồm các nội dung theo quy định của Luật kiểm toán độc lập, Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 700, các chuẩn mực kiểm toán và quy định pháp lý khác có liên quan.

Trong trường hợp bên A dự định phát hành báo cáo kiểm toán của bên B dưới bất kỳ dạng tài liệu nào, hoặc phát hành các tài liệu trong đó có các thông tin về báo cáo tài chính đã được kiểm toán, Ban Giám đốc bên A đồng ý rằng họ sẽ cung cấp cho bên B một bản của tài liệu này và chỉ phổ biến rộng rãi các tài liệu này sau khi có sự đồng ý của bên B bằng văn bản.

Điều 4: Phí dịch vụ và phương thức thanh toán.

Phí dịch vụ:

Tổng phí dịch vụ chưa bao gồm thuế GTGT 10% nêu tại Điều 1 là :

(Bằng chữ:)

Phương thức thanh toán:

Tạm ứng 50% phí dịch vụ ngay sau khi bên B triển khai thực hiện hợp đồng;

Số phí dịch vụ còn lại sẽ được thanh toán khi bên B bàn giao đủ số báo cáo soát xét, báo cáo kiểm toán và xuất hóa đơn GTGT theo quy định.

Phí dịch vụ sẽ được thanh toán bằng tiền Việt Nam đồng theo hình thức chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản của bên B.

Thời hạn tạm ứng, thanh toán: không quá 05 ngày làm việc sau khi bên A nhận được đề nghị tạm ứng, thanh toán của bên B theo đúng các điều khoản tạm ứng, thanh toán trong hợp đồng.

Điều 5: Cam kết thực hiện

Hai bên cam kết thực hiện tất cả các điều khoản đã ghi trong hợp đồng. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, hai bên phải kịp thời thông báo cho nhau để cùng tìm phương án giải quyết. Mọi thay đổi phải được thông báo trực tiếp cho mỗi bên bằng văn bản (hoặc qua email) theo địa chỉ trên đây.

Thời gian hoàn thành cuộc kiểm toán dự kiến là 15 ngày kể từ ngày bắt đầu thực hiện cuộc kiểm toán.

Mọi tranh chấp hoặc khiếu kiện phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng sẽ được giải quyết bằng thương lượng hoặc theo Bộ luật dân sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và tại tòa án kinh tế do hai bên lựa chọn.

Điều 6: Hiệu lực, ngôn ngữ và thời hạn hợp đồng

Hợp đồng này được lập thành 04 bản bản tiếng Việt, mỗi bên giữ 02 bản tiếng Việt, có giá trị như nhau và có hiệu lực kể từ ngày có đủ chữ ký, con dấu của cả hai bên.

Hợp đồng này tự động được thanh lý sau khi bên A và bên B đã hoàn thành trách nhiệm của mỗi bên.

ĐẠI DIỆN BÊN A
GIÁM ĐỐC



Hồ Việt Lân

ĐẠI DIỆN BÊN B
GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Quân